TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 702/2025/DS-PT
Ngày: 09/12/2025
V/v "T/c quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải
Các Thẩm phán:Bà Võ Bích Hải
Bà Đào Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 12 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 247/2025 /TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST, ngày 21/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ; Nay là Tòa án khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 733/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thu H, sinh năm: 1963; Địa chỉ số C đường T, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ - Vắng mặt. Địa chỉ cũ: Số C đường T, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Đại diện theo uỷ quyền:

- Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm: 1984; Địa chỉ số B đường C, phường T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Bà Lê Nguyễn Hoài T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963; Địa chỉ ấp M, Phường A, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1962; Địa chỉ số C đường T, khu V, phường T, thành phố Cần Thơ - Vắng mặt. Địa chỉ cũ: Số C đường T, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Ông Cù Bạch L, sinh năm 1994. Địa chỉ ấp M, Phường A, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. Ông Nguyễn Tấn C1, sinh năm 1990; Địa chỉ ấp M, Phường A, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

4. Ông Đồng Ngọc D, sinh năm 1979; Địa chỉ số I đường số H - KDC N, phường B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thu H có đại diện bà Lê Nguyễn Hoài T, trình bày*: Bà H có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Đồng Ngọc D và vợ là Lê Kim H2 diện tích 60m² loại đất ONT thửa đất số 814, tờ bản đồ số 13 với giá chuyển nhượng là 165.000.000 đồng nhưng trên hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi giá là 20.000.000 đồng. Hai bên có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C3. Trong ngày, hai bên cùng ký bản thỏa thuận khác nhưng không có công chứng với nội dung: *"Ngoài diện tích đất 60m^2 ONT thì ông D, bà H2 cũng chuyển nhượng cho bà H phần đất tiếp giáp mặt tiền hẻm tổ B, thuộc hành lang lộ giới bề ngang tương ứng phần đất thổ cư của bà H là 5m kéo dài ra tới đường lộ (đất CLN) với giá chuyển nhượng bao gồm luôn 60m^2 đất ONT là 30.000.000 đồng"*. Do thời điểm bà H mua đất diện tích đất vườn này nhỏ hơn so với hạn mức tách thửa nên không thể chuyển nhượng theo đất thổ cư. Bà H đã thanh toán đủ tiền cho ông D, bà H2 và nhận đất canh tác. Đến năm 2018, bà H được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04664. Khoảng năm 2019 - 2020, bà H xây dựng

nhà ở và các công trình phụ trên phần đất đã nhận chuyển nhượng. Bà H đã làm hàng rào kiên cố toàn bộ phần đất nhận chuyển nhượng từ ông D, bà H2. Khi bà H xây dựng nhà và làm hàng rào thì không ai ngăn cản.

Sau khi bà H nhận chuyển nhượng đất thì ông D chuyển nhượng phần đất còn lại cho ông Phan Minh C2, ông C2 tiếp tục chuyển nhượng đất lại cho bà Nguyễn Thị Q. Bà H không rõ quá trình chuyển nhượng đất giữa ông D, ông C2, bà Q như thế nào nhưng hiện nay phần đất bà H mua bằng giấy tay của ông D lại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308 thuộc 01 phần thửa 720 do bà Q đứng tên.

Nay, bà H yêu cầu bà Q phải tách phần đất có diện tích 28.5m² (chiều 5m, chiều dài 5.7m) thuộc 01 phần thừa 720, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308 sang cho bà H. Bà H đồng ý trả cho Q tiền lên đất thổ cư là 12.000.000 đồng. Nguyên đơn thống nhất Bản trích đo địa chính số 23 ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:* Bà Q không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn; Phần đất tranh chấp bà Q nhận chuyển nhượng hợp pháp từ vợ chồng ông Phan Minh C2, bà Trần Bích L1 vào ngày 08/01/2019. Các bên có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C4, giá chuyển nhượng đất là 700.000.000 đồng, diện tích chuyển nhượng là 337m², đất thuộc thửa 720, tờ bản đồ số 13, loại đất là CLN. Sau khi nhận chuyển nhượng bà đã chuyển mục đích sử dụng đất lên đất ở nông thôn. Do có phần đất nằm trong hàng lang lộ giới nên bà chỉ được chuyển 249m² đất lên đất ở nông thôn, còn 88m² thuộc hàng lang lộ giới vẫn là đất trồng cây lâu năm. Ngày 21/10/2019, bà được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308. Sau đó, bà Q cất nhà ở, cùng thời điểm với bà H. Khi bà H cất nhà thì chồng bà H là ông C có kêu bà Q ra chỉ ranh đất để hai nhà không tranh chấp ranh. Bà Q có nói với ông C gia đình ông cất nhà đúng diện tích nhà ông C được cấp giấy thôi, phía trước nhà ông C thuộc giấy chứng nhận đất của bà. Nhưng ông C vẫn cất nhà và xây dựng hàng rào trên phần đất bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do tình làng nghĩa xóm nên bà đợi ông C cất nhà xong thì bà có trình bày việc ông C cất nhà trên đất của bà với trưởng ấp, trưởng ấp có hướng dẫn bà làm đơn kiện. Nhưng bà Q không thưa kiện vì cho rằng đất được cấp giấy cho bà nếu nguyên đơn muốn sử dụng thì phải tìm bà thương lượng nhưng gia đình bà H không thương lượng với

bà mà còn đi thưa kiện nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Q chỉ cho nguyên đơn đi nhờ trên đất 01 mét chiều ngang, diện tích đất còn lại phải trả cho bà.

Bà Q trình bày thêm vào năm 2022, có 03 hộ dân liền kề có phần đường đi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử đất của bà đã thương lượng và thỏa thuận xong, bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho những hộ này. Thời điểm đó bà Q có nói gia đình bà H nhưng gia đình bà H không chịu thương lượng, gia đình bà H còn nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm bà.

Bà Q thống nhất với Bản trích đo địa chính số 23 ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn C trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H. Yêu cầu bà Q phải tách phần đất có diện tích 28.5m² (chiều ngang 5m, chiều dài 5.7m) thuộc 01 phần thửa 720, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308 sang cho bà H. Ông C thống nhất Bản trích đo địa chính số 23 ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cù Bạch L trình bày: Ông thống nhất với ý kiến của bà Q. Ông đang trực tiếp canh tác trên đất. Đất của nhà ông nhận chuyển nhượng hợp pháp nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông cho nguyên đơn đi nhờ trên đất 01 mét chiều ngang, còn lại phải trả đất cho ông. Ông thống nhất Bản trích đo địa chính số 23 ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn C1 trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H. Yêu cầu bà Q phải tách phần đất có diện tích 28.5m² (chiều ngang 5m, chiều dài 5.7 m) thuộc 01 phần thửa 720, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308 sang cho bà H. Ông thống nhất Bản trích đo địa chính số 23 ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Ngọc D trình bày: Ngày 23/01/2018, ông và vợ là Lê Kim H2 có chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thu H phần đất có diện tích 60m² loại đất ONT thửa đất số 814, tờ bản đồ số 13 với giá chuyển nhượng là 165.000.000 đồng (tiền chuyển nhượng đất là 90.000.000 đồng, số tiền còn lại là tiền lên thổ cư) nhưng trên hợp đồng chuyển nhượng chỉ

ghi giá là 20.000.000 đồng. Hai bên có ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất tại Văn phòng C3. Cùng ngày ký hợp đồng chuyển nhượng đất nêu trên, ông D, bà H2 và bà H còn ký kết văn bản thỏa thuận tay ngoài diện tích đất 60m^2 ONT thì vợ chồng ông D cũng chuyển nhượng cho bà H phần đất tiếp giáp mặt tiền hẻm tổ B, thuộc hành lang lộ giới bề ngang tương ứng phần đất của bà H là 5m kéo dài từ phần đất thổ cư của bà H ra tới đường lộ (đất CLN) với giá chuyển nhượng bao gồm luôn 60m^2 đất ONT là 30.000.000 đồng nhưng thực tế bà H nhận chuyển nhượng tòan bộ diện tích đất ONT + CNL là 165.000.000 đồng. Phải làm thỏa thuận tay này do thời điểm bà H mua đất diện tích đất vườn này nhỏ hơn so với hạn mức tách thửa nên không thể chuyển nhượng theo đất thổ cư, do diện tích đất nằm trong hành lang lộ giới nên ông cũng không thể lên đất ONT để chuyển nhượng cho bà H được. Bà H đã thanh toán đủ tiền cho ông và nhận đất canh tác. Khi ông bán đất cho ông C1, ông và ông C1 có cắm ranh đất rõ ràng. Ông cắm ranh thẳng ra tới đường lộ và chừa toàn bộ phần đất thổ cư và đất vườn đã bán cho bà H ra. Nhưng ông không biết sao ông C1 làm giấy đất lại làm bao trùm đất của bà H. Do làm giấy chứng nhận QSD đất ông giao cho ông C1 tự đi làm. Đến nay ông C1 vẫn còn thiếu ông tiền mua đất là 19.000.000 đồng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST, ngày: 21- 05 – 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ; Nay là Tòa án khu vực 3 – Cần Thơ Gọi tắt bản án số 35) tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thu H. Công nhận cho bà Huỳnh Thu H phần đất diện tích 28,5m^2 (trong đó có 16m^2 đất ONT và 12,5m^2 đất CLN) thuộc thửa số 720, tờ bản đồ số 3 được của UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308 ngày 21/10/2019 do bà Nguyễn Thị Q đứng tên.

2. Buộc bà Huỳnh Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 210.000.000 đồng.

Sau khi bà Huỳnh Thu H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Thị Q thì được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Toà án.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chậm trả; Chi phí đo đạc định giá; Án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/6/2025 nguyên đơn Huỳnh Thu H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 35 với nội dung yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận 28.5m^2 phần đất tranh chấp cho bà và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên bà Q cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng, 28.5m^2 phần đất tranh chấp bà đã nhận chuyển nhượng từ ông D, bà H2 và có làm giấy tay và nguyên đơn đã sử dụng từ khi chuyển nhượng cho đến nay, nên yêu trả đất và không phải trả giá trị.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phân tích đánh giá tính pháp lý các chứng cứ các đương sự cung cấp và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị; Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận ý kiến của những người tham gia tố tụng, phát biểu quan đểm của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kháng cáo cho rằng, có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Đồng Ngọc D và bà Lê Kim H2 diện tích 60m² loại đất ONT thửa đất số 814, tờ bản đồ số 13 hai bên có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C3; Cùng ngày, hai bên cùng ký bản thỏa thuận thêm 5m kéo dài ra tới đường lộ và có làm giấy tay; Phần ngang 05 mét nguyên đơn chuyển nhượng chưa được cấp giấy mà bị đơn đã đăng ký nên khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất và công nhận cho nguyên đơn . Bị đơn không thừa nhận và cho rằng, bị đơn chuyển nhượng hợp pháp từ ông Phan Minh C2, bà Trần Bích L1 vào ngày 08/01/2019, tổng diện tích chuyển nhượng là 337m², đất thuộc thửa 720, tờ bản đồ số 13, loại đất là CLN. Sau khi nhận chuyển nhượng bà đã

chuyển mục đích sử dụng đất lên đất ở nông thôn 249m², còn 88m² thuộc hàng lang lộ giới vẫn là đất trồng cây lâu năm và đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308, ngày 21/10/2019, nên không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy, Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của vợ chồng ông Đồng Ngọc D và bà Lê Kim H2. Vào ngày Ngày 23/01/2018 ông D, bà H2 có chuyển nhượng cho nguyên đơn một phần. Phần đất còn lại ông D, bà H2 chuyển nhượng cho ông Phan Minh C2 và ông C2 tiếp tục chuyển nhượng đất lại cho bà Nguyễn Thị Q ngày 08/01/2019. Các đương sự chỉ tranh chấp phần đất ngang 05 mét kéo dài đến lộ theo Bản trích đo địa chính số 23/VPĐĐ, ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở tài nguyên và môi trường thành phố C là 28.5m^2 các phần khác không tranh chấp nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét đến diện tích tranh chấp các phần khác không xem xét.

[3] Theo nguyên đơn trình bày phần đất nguyên đơn tranh chấp nhận chuyển nhượng từ ông D, bà H2 và có làm giấy tay nguyên đơn có cung cấp bản thỏa thuận này, nhưng bản thỏa thuận chỉ viết tay và có sự thừa nhận của ông D; Tuy nhiên tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D với ông Phan Minh C2 thì ông D ký chuyển nhượng tòan bộ phần đất còn lại trong đó có cả phần đất mà ông D cho rằng đã chuyển nhượng bằng giấy tay cho bà H diện tích 28,5m^2, nên thừa nhận của ông D chuyển nhượng cho bà H chưa đủ cơ sở vững chắc để chấp nhận và nếu có là ông D đã vi phạm thỏa thuận vì đã chuyển nhượng cho bà bà H, nhưng tiếp tục ký chuyển nhượng toàn bộ phần còn lại cho ông M C2. Mặc khác tại hợp đồng tặng cho ngày 21/3/2022 giữa bà Nguyễn Thị Q với ông Cù Bạch L trong hồ sơ có sơ đồ hoạt móc ranh giới thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa 720 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308 của gia đình bà Q do ông Nguyễn Tấn C1 là con bà H người đag trực tiếp sinh sống trên phần đất chuyển nhượng từ ông D đã ký xác nhận ranh giới thể hiện phần đất tranh chấp là của bị đơn.

[4] Xét hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Q với ông Phan Minh C2, bà Q là người ngay tình chuyển nhượng toàn bộ phần đất từ ông Minh C2 tại thửa 720 trong đó bao gồm phần đất tranh chấp và bà của đã đăng ký chuyển mục đích sử dụnh một phần lên đất ONT, việc chuyển nhượng ngay tình, có công chứng chứng thực và được cấp giấy đúng với diện tích nhận chuyển nhượng, nên có

căn cứ xác định phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Q như cấp sơ thẩm nhận định.

[5] Việc cấp sơ thẩm công nhận phần đất cho bị đơn và buộc bị đơn trả giá trị; Các đương sự không kháng cáo về nội dung này, không kháng cáo về giá, mà chỉ kháng cáo phần đất thuộc về ai, nên phần liên quan đến giá trị đất Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Từ nhận định trên xét thấy nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được liệu chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh cho kháng cáo làm có cơ sở xem xét, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; Có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Thu H

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2025/DS-ST, ngày: 21- 05 – 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ; Nay là Tòa án khu vực 3 – Cần Thơ.

- Công nhận cho bà Huỳnh Thu H phần đất diện tích 28,5m^2 (trong đó có 16m^2 đất ONT và 12,5m^2 đất CLN) thuộc thửa số 720, tờ bản đồ số 3 được của UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06308 ngày 21/10/2019 do bà Nguyễn Thị Q đứng tên.

- Buộc bà Huỳnh Thu H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Q giá trị quyền sử dụng đất với số tiền là 210.000.000 đồng.

Sau khi bà Huỳnh Thu H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho bà Nguyễn Thị Q thì được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Toà án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thu H được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/12/2025.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND KV 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV3 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hoàng Khải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**